

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/HNGĐ-ST
Ngày 02 – 8 – 2022
“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Dầm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;
2. Ông Phạm Hồng Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:
Ông Trần Huy Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 205/2022/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 05/TB-TA ngày 12/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Quan Thị H, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp V, xã V, thành phố C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh Lý Minh T, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp V, xã L, thị xã T, tỉnh An Giang.

Chị Quan Thị H có mặt, anh Lý Minh T có đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Quan Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H với anh Lý Minh T là do quen biết nhau trước, được cha mẹ đồng ý, dẫn đến kết hôn nhau, không tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (theo giấy chứng nhận kết hôn số

12/HT, quyền số 01/2012 ngày 10/02/2012 do Ủy ban nhân dân xã L, thị xã T, tỉnh An Giang cấp cho Lý Minh T và Quan Thị H).

Sau khi cưới, vợ chồng về sống tại xã L, thị xã T, tỉnh An Giang (sống bên chồng), đến năm 2016 thì vợ chồng đi thành phố Hồ Chí Minh làm ăn đến năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn không hòa hợp tính tình, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chị H và anh T không còn sống chung từ năm 2019 cho đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị H xin ly hôn anh T.

- *Về con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân, chị H và anh T có 01 (một) con chung tên Lý Minh K, sinh ngày 18/10/2013. Hiện đang sống với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi cháu Khang và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án, bị đơn anh Lý Minh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T thống nhất như lời trình bày trên của chị H về thời gian kết hôn, không tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn như lời trình bày trên của chị H và không còn chung sống nhau từ năm 2019 cho đến nay. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý ly hôn với chị H.

- Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Lý Minh K, sinh ngày 18/10/2013. Hiện đang sống với chị H. Khi ly hôn, anh T đồng ý giao cháu Khang cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh T có đơn yêu cầu hòa giải, xét xử vắng mặt. Lý do: Do đi làm ăn xa.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị Quan Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn, anh Lý Minh T có đơn xin hòa giải, xét xử vắng mặt.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu*:

Về thủ tục tố tụng:

+ *Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử*:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 28 Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 97, Điều 191, Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa*:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ *Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là anh T có đơn xin xét xử vắng mặt theo khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51 và Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Quan Thị H với anh Lý Minh T; về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị H và anh T giao cháu Lý Minh K, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2013 cho chị Quan Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Khang; về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn chị Quan Thị H chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn anh Lý Minh T không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Chị Quan Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lý Minh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Ấp V, xã L, thị xã T, tỉnh An Giang, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T tự tìm hiểu và yêu thương, sau đó được sự đồng ý cha, mẹ hai bên dẫn đến kết hôn, không tổ chức lễ cưới, chị H và anh T có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 2012. Tại thời điểm kết hôn chị H và anh T đã đủ độ tuổi và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị H và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và không còn chung sống nhau từ năm 2019 cho đến nay.

Hội đồng xét xử, xét thấy chị H và anh T phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, đã không còn chung sống nhau từ năm 2019 cho đến nay; Tại phiên tòa hôm nay, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T, lời trình bày tại biên bản lời khai anh T đồng ý thuận tình ly hôn với chị H. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51 và Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh T.

[3] Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị H và anh T có 01 (một) con chung tên Lý Minh K, sinh ngày 18/10/2013. Hiện đang sống với chị H. Khi ly hôn, chị H và anh T thống nhất giao cháu Khang cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Khang sống với mẹ là chị H khi chị H và anh T ly hôn, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Quan Thị H chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng. Anh Lý Minh T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[6] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51 và Điều 55, các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Quan Thị H và anh Lý Minh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 12/HT, quyển số 01/2012 ngày 10/02/2012 do Ủy ban nhân dân xã L, thị xã T, tỉnh An Giang cấp cho Lý Minh T và Quan Thị H không còn giá trị pháp lý.

2. *Về nuôi con chung*: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Quan Thị H với anh Lý Minh T giao cháu Lý Minh K, sinh ngày 18/10/2013 cho chị Quan Thị H

được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con thành niên và có khả năng lao động được. Anh Lý Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Quan Thị H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Lý Minh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Quan Thị H chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006279 ngày 10/5/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tân Châu. Chị Quan Thị H đã nộp án phí xong, anh Lý Minh T không phải chịu án phí.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND xã L, thị xã T;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Dầm